

Số: **111 /2023/QĐST-HNGĐ**

*Phong Điền, ngày 10 tháng 8 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 110/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị K, sinh ngày 15/12/1978; địa chỉ: Thôn Đ, xã Phong Thu, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ liên lạc: Số \*\*\*/5c Quốc lộ 1A, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Anh Trần Thanh P, sinh ngày 02/5/1975; địa chỉ: Thôn Đ, xã Phong Thu, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Lê Thị K và anh Trần Thanh P.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Về con chung: Các đương sự xác nhận có hai con chung là cháu Trần Lê Thanh H, sinh ngày 20/3/2005 và cháu Trần Lê Thanh T, sinh ngày 14/3/2012.

Đối với cháu Trần Lê Thanh H đã trên 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Trần Lê Thanh T, trên cơ sở nguyện vọng của con, các đương sự thoả thuận:

Giao cháu Trần Lê Thanh T cho chị Lê Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị K tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng); chị K đã nộp số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/0006904 ngày 19/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền; hoàn trả lại cho chị K 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
  - TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
  - VKSND huyện Phong Điền;
  - CCTHADS huyện Phong Điền;
  - UBND xã Phong Thu (ĐKKH số 08
- Ngày 28/02/2005);
- Lưu hồ sơ, HNGĐ.

**THẨM PHÁN**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Đạt**